TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: **19**/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 14 -8 -2025
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Trần Thanh Vân

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Lưu Mạnh Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - TH tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường Toà án nhân dân khu vực 1 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị T, sinh năm 1994; CCCD: 019194xxx552; nơi cư trú: Xóm B, xã T, tỉnh TH *(Có mặt)*

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986; CCCD: 01xxx6007019; nơi cư trú: Xóm B, xã T, tỉnh TH *(Vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn là chị Phùng Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh TH. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh V thường xuyên có lời lẽ xúc phạm đến bản thân chị dẫn đến chị T không chịu đựng được nữa, vợ chồng ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoàng C, sinh ngày

09/4/2014 và Nguyễn Thụy Mỹ K, sinh ngày 15/7/2019. Nếu ly hôn, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn V: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tòa án và chính quyền địa phương đã tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng cho anh V, anh V được biết và nhận các văn bản của Tòa án nhưng anh V từ chối ký biên bản giao nhận và anh cũng không đến Tòa án để giải quyết. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – TH phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và thư ký: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như xác định thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp; Chấp hành đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử; Tại phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị T, chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V; Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 09/4/2014 và Nguyễn Thụy Mỹ K, sinh ngày 15/7/2019 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn V được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T và anh V đều cư trú tại xã T, tỉnh TH nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 - TH theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn V đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn theo đơn khởi kiện của chị T nhưng anh V không nhận các văn bản tố tụng cũng không có ý kiến gì. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị T và anh Nguyễn Văn V kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh TH nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Lý do chị T xin ly hôn là từ khi chung sống hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh V thường xuyên có lời lẽ xúc phạm đến bản thân chị, không ai quan tâm đến ai. Anh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh V có hai con chung là Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 09/4/2014 và Nguyễn Thụy Mỹ K, sinh ngày 15/7/2019. Nếu ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con.

Tại đơn trình bày của cháu Nguyễn Hoàng C có nguyện vọng ở với bố. Tuy nhiên anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến của mình nhưng anh không đến, cũng không có ý kiến gì. Chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con. Do vậy để đảm bảo quyền về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử cần giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Điều 81. Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

" .....

2. Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Phùng Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị T. Chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 09/4/2014 và Nguyễn Thụy Mỹ K, sinh ngày 15/7/2019 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001779 ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh TH nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 1 - TH;
- Thi hành án dân sự tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Thị Thanh Trúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TH, ngày 14 tháng 8 năm 2025

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Trần Thanh Vân

Vào hồi 10 giờ 45 phút ngày 14/8/2025 tại Phòng nghị án, Hội đồng xét xử tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn, con chung",* giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị T, sinh năm 1994; CCCD: 019194008552; nơi cư trú: Xóm B, xã T, tỉnh TH

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986; CCCD: 019086007019; nơi cư trú: Xóm B, xã T, tỉnh TH

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị T. Chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Hoàng Cầm, sinh ngày 09/4/2014 và Nguyễn Thụy Mỹ Kỳ, sinh ngày 15/7/2019 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001779 ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh TH nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.5. Quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thanh Trúc